

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21 tháng 6 năm 2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương.

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Hoàng Oanh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc: *Ly hôn; tranh chấp về nuôi con; chia tài sản chung; nghĩa vụ trả nợ chung.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 32/2022/QĐ-PT, ngày 20/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 33/2022/QĐ-PT, ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1981. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: KHỐI H1, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn K1, sinh năm 1976. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Khối H, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Điện Biên

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, Cục C10, Bộ Công An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Phạm Văn K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn K1 kết hôn năm 2010. Cuộc sống chung của vợ chồng kể từ khi lấy nhau thì thoảng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh K1 sử dụng ma túy, cũng chính từ sử dụng ma túy dẫn đến anh K1 phạm tội và đang phải chấp hành án tại Trại giam N. Trong cuộc sống chị C đã nhiều lần khuyên can và tạo điều kiện cho anh K1 thay đổi để cố gắng vì các con, nhưng anh K1 không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2018, anh K1 bị bắt đi chấp hành án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong thời gian đầu khi anh K1 đi chấp hành án, chị C có đến thăm nuôi vì nghĩ đó là nghĩa vụ, vì thương các con muốn các con có gia đình trọn vẹn, nhưng chị C cho rằng chị không còn tình cảm với anh K1, bản thân chị đã hơn một năm nay không còn đi thăm anh K1. Đến nay chị không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung, vì vậy chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Phạm Văn K1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn K1 có 02 người con chung là cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 13/6/2011 và cháu Phạm Sơn T2, sinh ngày 14/02/2015. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu vì anh K1 không có khả năng chăm sóc cho các con, chị C không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2021 chị Nguyễn Thị C có yêu cầu giải quyết về phần tài sản và nợ chung. Tuy nhiên đến ngày 08 tháng 11 năm 2021, chị C có nộp đơn đề nghị được rút một phần yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung. Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng theo quy định cho anh Phạm Văn K1; tại các biên bản lời khai của anh K1 có nội dung: Về hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2021, anh K1 đồng ý ly hôn (BL46), tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2021 anh K1 trình bày vẫn còn yêu thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn (BL75); về phần con chung: Anh K1 giao con chung là cháu Phạm Tùng L và cháu Phạm Sơn T2 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng (BL46); về phần tài sản, nợ chung anh K1 đề nghị Tòa án không giải quyết, khi nào anh K1 đi chấp hành án xong về mới giải quyết (BL46, 75, 88).

Ý kiến của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt: Tại Đơn đề nghị ngày

22/10/2021 Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt - chi nhánh Điện Biên - Phòng giao dịch T1 đề nghị Tòa án nhân dân hỗ trợ giải quyết các nghĩa vụ nợ của anh Phạm Văn K1 và chị Nguyễn Thị C với Ngân hàng trong cùng vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị C, anh Phạm Văn K1 không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ của Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt. Đến ngày 25/12/2021, Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt có văn bản gửi đến Tòa án, với nội dung đồng ý với đề nghị của chị C và anh K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của AGRIBANK huyện T1, tỉnh Điện Biên: Đối với khoản nợ của chị Nguyễn Thị C vay hình thức qua lương. Đến thời điểm này chị C thực hiện đầy đủ, thông qua hình thức trừ nợ lương cá nhân. Do chị C vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên việc chị C có đơn xin rút yêu cầu giải quyết; Ngân hàng AGRIBANK đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngân hàng NN và Phát triển nông thôn Việt Nam – AGRIBANK chi nhánh huyện T1 đề nghị không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã Quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1, 3 Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phạm Văn K1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 13/6/2011 và cháu Phạm Sơn T2, sinh ngày 14/02/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Phạm Văn K1 chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị C có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Phạm Văn K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn K1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tài sản chung và công nợ: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung,

nợ chung khi ly hôn giữa các đương sự. Chị Nguyễn Thị C, anh Phạm Văn K1, Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bà Trịnh Thị H2, ông Phạm Văn K2 có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Các ngày 19/01/2022, 22/01/2022 anh Phạm Văn K1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đến ngày 24/02/2022 anh Phạm Văn K1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử, giải quyết lại về phần hôn nhân.

Ngày 20/04/2022 chị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh K1 có mặt tại phiên tòa không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai tại Trại giam N ngày 29/04/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm anh Phạm Văn K1 trình bày: Anh và chị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1 vào tháng 10/2010. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, không đáng phải ly hôn, tháng 06/2018 anh K1 có sử dụng ma túy, đến ngày 07/8/2018 thì bị Công an huyện T1 bắt và Tòa án nhân dân huyện T1 xét xử 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, trong thời gian chấp hành án 02 năm đầu thì chị C có đi thăm anh K1, 02 năm tiếp theo thì chị C không đi thăm nữa, chị C đưa ra lý do đang Covid không đi thăm được, đến nay chị C làm đơn ly hôn thì anh K1 cũng thấy bất ngờ. Thời gian chưa đi chấp hành án, anh K1 có dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh K1 để đi vay cầm đồ số tiền 20.000.000 đồng, dùng để chi tiêu trong gia đình và mua ma túy về sử dụng, đến nay chị C đã chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về rồi. Nay chị C xin ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu vợ thương con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán như sau:

- Cấp sơ thẩm: Tòa cấp sơ thẩm đưa ông Phạm Văn K2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong khi ông K2 đã chết trước khi thụ lý vụ án là không đúng với quy định của pháp luật.

- Cấp phúc thẩm: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48/BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật;

- Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn K1. áp dụng khoản 1, Điều 308/BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Điện Biên.

- Về án phí đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn K1 được nộp trong hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[1.2] Xác định về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này, bị đơn có nơi ĐKKHTT tại: Khối H1, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị C.

[1.4] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm vẫn còn một số vấn đề sai sót như sau: Khi thụ lý vụ án vào ngày 11/10/2021 Tòa án nhân dân huyện T1 đã đưa ông Phạm Văn K2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng thực tế ông K2 đã chết từ ngày 25/3/2020, việc đưa ông K2 vào tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật.

Tại Khoản 2 Điều 69 BLTTDS quy định “Năng lực hành vi tố tụng dân sự là khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng dân sự”. Nhưng ông K2 đã chết trước khi thụ lý vụ án, do vậy ông K2 không còn khả năng tự mình thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng dân sự. Ông K2 không còn năng lực hành vi tố tụng dân sự nên không thể tham gia tố tụng dân sự trong vụ án này.

Mặc dù bản án sơ thẩm còn có một số thiếu sót, nhưng do trong quá trình giải quyết vụ án ngày 08/11/2021 chị Nguyễn Thị C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, nợ chung, do vậy Tòa án nhân dân huyện T1 đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện trong vụ án này, cho nên đối với phần sai sót này của cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, các thiếu sót đã được cấp phúc thẩm khắc phục và nhận định rõ trong bản án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Phạm Văn K1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn K1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/11/2010, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày do anh K1 sử dụng ma túy, chị C đã nhiều lần khuyên can và tạo điều kiện cho anh K1 thay đổi để cố gắng vì các con, nhưng anh K1 không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn, ngày 07/8/2018 bị Công an huyện T1 bắt và Tòa án nhân dân huyện T1 xét xử 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngoài ra anh K1 còn nhiều lần mang tài sản riêng, chung để đem đi thế chấp vay cầm đồ lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng, chị C đã phải vay mượn tiền để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, bản thân anh K1 nghỉ việc ở nhà không chịu đi làm để kiếm tiền phụ giúp vợ, con để một mình chị C phải bươn trải vừa trả nợ vừa kiếm tiền nuôi gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K1 không đồng ý ly hôn với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị C, anh cũng thừa nhận bản thân có lỗi một phần đó là đã sử dụng ma túy, ngoài ra còn mang tài sản riêng để đem đi thế chấp vay cầm đồ lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng, chị C đã phải vay mượn tiền để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Chính vì những lý do trên nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vì thế chị C mới làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Đến nay chị không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung, vì vậy chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Phạm Văn K1. Nhận thấy thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm đôi bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh K1 là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[3] Từ phân tích nêu trên cho thấy quyết định tại bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K1 không xuất

trình được chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, lý do kháng cáo là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của anh K1 không được chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Án phí: Do kháng cáo của anh Phạm Văn K1 không được chấp nhận nên anh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Các Điều 28, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 17, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn K1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Điện Biên.

Tuyên xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn K1.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 13/6/2011 và cháu Phạm Sơn T2, sinh ngày 14/02/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Phạm Văn K chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị C có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Phạm Văn K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn K1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Tài sản chung và công nợ: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản

chung, nợ chung khi ly hôn giữa các đương sự. Chị Nguyễn Thị C, anh Phạm Văn K1, Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bà Trịnh Thị H2, ông Phạm Văn K2 có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

2.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007517 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Điện Biên (Chị C đã nộp đủ).

2.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Anh Phạm Văn K1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007536, ngày 07/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Điện Biên (anh K đã nộp đủ).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/6/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên
- TAND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên
- TAND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

-